

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HNGĐ - ST

Ngày 02/7/2024.

(V/v: ly hôn, tranh chấp nuôi con)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Bùi Khắc Thái, ông Lương Mạnh Tường.

Thư ký phiên tòa: ông Bùi Ngọc Tạo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2024/TLST- HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Hoàng Thị Kim O, sinh năm 1998, tên gọi khác: Không.

Trú tại: thôn T2, xã V, huyện N, tỉnh N.

Bị đơn: anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1997, tên gọi khác: Không.

Trú tại: thôn 5, xã Ph, huyện N, tỉnh N.

Chị O vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2024, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị Kim O trình bày: tôi và anh Nguyễn Anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Ph, huyện N vào ngày 04/10/2018. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống tại thôn 5, xã Ph, huyện N. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 4 năm, đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp và do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác. Vì vậy vợ chồng thường xuyên có va chạm, cãi nhau mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể khắc phục. Đến khoảng tháng 3/2023 thì vợ

chồng lại có va chạm nên tôi đã về quê ở thôn T2, xã V, huyện N sinh sống, kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân nhau cho đến nay, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng nhau nữa. Đến nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng tôi đã đến mức thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Anh T.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung, là cháu Nguyễn Hoàng Thùy Tr sinh ngày 16/4/2019 và cháu Nguyễn Hoàng Thùy L sinh ngày 31/10/2020. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay, hai con chung ở với tôi. Khi ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp cả hai con chung và yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/ tháng/02 cháu.

Về tài sản và công nợ chung: tôi không không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau đó khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T đã không đến làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: các Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: xử cho chị Hoàng Thị Kim O được ly hôn với anh Nguyễn Anh T. Về con chung: giao cháu Nguyễn Hoàng Thùy Tr sinh ngày 16/4/2019 và cháu Nguyễn Hoàng Thùy L sinh ngày 31/10/2020 cho chị Hoàng Thị Kim O tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Anh T phải đóng góp cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Hoàng Thị Kim O mỗi tháng 1.000.000 đồng/ 01 cháu kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về án phí: chị Hoàng Thị Kim O phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị O đã nộp; anh Nguyễn Anh T phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Anh T có địa chỉ tại thôn 5, xã Ph, huyện N, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện N áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn

vắng mặt lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Kim O và anh Nguyễn Anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người chung sống tại thôn 5, xã Ph, huyện N. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 4 năm, đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo sự trình bày của chị O cũng như qua xác minh tại cơ sở là do vợ chồng không hợp, hay bất hòa và do chị O nghi ngờ anh T có quan hệ với người phụ nữ khác. Vì vậy vợ chồng thường xuyên có va chạm, cãi nhau mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể khắc phục. Đến khoảng tháng 3/2023 thì vợ chồng lại có mâu thuẫn nặng nên chị O đã về quê ở thôn T2, xã V, huyện N sinh sống, kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân nhau cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị Hoàng Thị Kim O xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn. Bản thân anh T không lên Tòa án làm việc và tham gia phiên hòa giải dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều đó chứng tỏ anh T không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hoàng Thị Kim O và anh Nguyễn Anh T đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị Kim O, xử cho chị Hoàng Thị Kim O được ly hôn với anh Nguyễn Anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị Kim O và anh Nguyễn Anh T có 02 con chung, là cháu Nguyễn Hoàng Thùy Tr sinh ngày 16/4/2019 và cháu Nguyễn Hoàng Thùy L sinh ngày 31/10/2020. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay, hai con chung ở với chị O. Xét cả anh T và chị O đều là những người khỏe mạnh. Anh T là lao động tự do có thu nhập trung bình trên địa bàn xã Ph là 200.000 đồng/người/ngày; chị O là công nhân có mức lương trung bình là 8.000.000 đồng/ tháng nên cả hai người đều có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên xét từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cả hai cháu Nguyễn Hoàng Thùy Tr, Nguyễn Hoàng Thùy L đều do chị O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, nên để tránh xáo trộn cuộc sống ổn định của hai cháu nên cần chấp nhận đề nghị của chị O; giao cho chị O được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị O có yêu cầu và anh T có đủ điều kiện để thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên cần buộc anh T phải đóng góp tiền nuôi con mỗi tháng mỗi cháu với mức 1.000.000 đồng như chị O đã yêu cầu là thỏa đáng.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị O và anh T không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị Kim O phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật, anh T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Hoàng Thị Kim O được ly hôn với anh Nguyễn Anh T.

2. Về con chung: giao các cháu Nguyễn Hoàng Thùy Tr sinh ngày 16/4/2019 và cháu Nguyễn Hoàng Thùy L sinh ngày 31/10/2020 cho chị Hoàng Thị Kim O được tiếp trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Anh T phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hoàng Thị Kim O mỗi tháng là 1.000.000 đồng/01 cháu kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu Nguyễn Hoàng Thùy Tr và cháu Nguyễn Hoàng Thùy L đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: chị Hoàng Thị Kim O phải nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị O đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện N theo biên lai số BLTU/23/0001200, ngày 26/3/2024. Anh Nguyễn Anh T phải nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS N;
- UBND xã Ph;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

Nguyễn Hữu Quốc